|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI  **SỞ Y TẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**Phụ lục I**

*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SYT ngày / /2025 của Sở Y tế)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến chính sách/dự thảo** | | | |
| **CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO** | **CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG** | **ĐÁNH GIÁ**  *(Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)* | **ĐỀ XUẤT XỬ LÝ** | |
| Chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030 | - Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới. - Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương ban hành về thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân trong giai đoạn mới;  - Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. | Đã thể chế hóa một phần trong phạm vi địa phương | Ban hành Nghị quyết mới nhằm bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu phát triển của tỉnh Đồng Nai. | |
|  | **1. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhiệm kỳ 2021-2026**  Khẳng định định hướng “Phát triển con người toàn diện, xây dựng hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao trùm và bền vững; quan tâm bảo đảm an sinh cho người yếu thế”; | Đã thể chế một phần |  | |
|  | **2. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030,** *giao chỉ tiêu đến năm 2030, đạt bao phủ y tế toàn dân*. | Đã thể chế một phần |  | |
|  | **3. Căn cứ cụ thể hóa chủ trương tại Hội nghị Trung ương và chỉ đạo của Chính phủ** | Đã thể chế một phần |  | |
| **- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017** của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII “về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”. Trong đó, có nội dung “giao tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2025 đạt 95% dân số”;  - Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 29/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế giai đoạn 2022 - 2025. Trong đó, có nội dung: *giao chỉ tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2025 đạt 95%.* |
| **2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách/dự thảo** | | | |
| **CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN** | **QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN** | **ĐÁNH GIÁ** (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất) | **ĐỀ XUẤT XỬ LÝ** | |
| Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030. | - Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15: Điều 31, 32 quy định thẩm quyền HĐND, UBND quyết định chế độ chi ngân sách; nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND các cấp. - Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 46/2014/QH13, Luật số 97/2015/QH13, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 68/2020/QH14, Luật số 30/2023/QH15 và Luật số 51/2024/QH15): Điều 12 quy định đối tượng. - Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế: Điều 6, 10 quy định mức đóng; thẩm quyền nâng mức đóng của địa phương. | Chính sách này khi ban hành phù hợp với quy định của pháp luật | Ban hành Nghị quyết mới nhằm bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu phát triển của tỉnh Đồng Nai. | |
| **Đối tượng áp dụng** 1. Người thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo theo chuẩn hộ nghèo của tỉnh (không bao gồm hộ nghèo, hộ cận nghèo chuẩn hộ nghèo của Trung ương). 2. Người dân tộc thiểu số có nơi thường trú, tạm trú tại các xã biên giới, các xã khu vực I tỉnh Đồng Nai theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền. 3. Người mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Chính phủ. 4. Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi (không bao gồm các đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo) có nơi thường trú, tạm trú tại xã khu vực I tỉnh Đồng Nai theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. 5. Người lao động hết thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp quá 03 tháng chưa tham gia lại bảo hiểm y tế cho đến khi tìm được việc làm mới và tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.  6. Người lang thang, xin ăn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đang được tập trung vào cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc ngành Y tế quản lý trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú. 7. Người thuộc hộ gia đình thoát nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh trong thời gian 36 tháng từ khi có quyết định công nhận thoát nghèo. 8. Cộng tác viên làm công tác dân số. 9. Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo quy định chuẩn hộ có mức sống trung bình của trung ương. 10. Học sinh, sinh viên khuyết tật học hòa nhập tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh và các học sinh tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập tỉnh Đồng Nai. 11. Học sinh đang theo học tại các cơ sở giáo dục có trụ sở đặt tại các xã biên giới; các xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Đồng Nai theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền. 12. Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo quy định chuẩn hộ có mức sống trung bình của tỉnh. 13. Nhân viên y tế thôn bản; cô đỡ thôn, bản. 14. Nạn nhân theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người. 15. Người thuộc hộ gia đình thoát cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh trong thời gian 36 tháng từ khi có quyết định công nhận thoát nghèo. 16. Người thuộc hộ cận nghèo theo chuẩn trung ương. 17. Người thuộc hộ gia đình thoát nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của trung ương trong thời gian 36 tháng từ khi có quyết định công nhận thoát nghèo. |  |
| **- Mức hỗ trợ** a) Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 2 Nghị quyết này. b) Ngoài mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo quy định của Chính phủ, đối với các nhóm đối tượng như sau: - Hỗ trợ 70% mức đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 2 Nghị quyết này. - Hỗ trợ 50% mức đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng quy định tại khoản 10, 11, 12, 13, 14, 15 Điều 2 Nghị quyết này. - Hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 17 Điều 2 Nghị quyết này. |  |  | |
| **3. Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách/dự thảo** | | | |
| **CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN** | **QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN** | **ĐÁNH GIÁ** | **ĐỀ XUẤT XỬ LÝ** | |
| **(Tính tương thích)** |
| Không có | Không có | Chính sách không chịu sự điều chỉnh của điều ước quốc tế nào Việt Nam là thành viên |  | |